TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ BỈM SƠN
TỈNH THANH HÓA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc

Bản án số:31/2018/ HS- ST
Ngày: 29-6- 2018

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ BỈM SƠN, TỈNH THANH HÓA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Ngô Xuân Sang
Các Hội thẩm nhân dân:
Ông Nguyễn Quốc Sáu
Bà Đặng Thị Thỏa

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Ngọc Lan, là Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Bỉm Sơn

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Bỉm Sơn, tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Hương Thảo- Kiểm sát viên

Ngày 29 tháng 6 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Bỉm Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 17/2018/TLST- HS ngày 16 tháng 4 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 33/2018/QĐXXST-HS ngày 15 tháng 6 năm 2018 đối với bị cáo:

MAI THỊ X, sinh ngày 04 tháng 10 năm 1969; nơi cư trú: số 44 Dương Đình Nghệ, phường T, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Mường; giới tính: nữ; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Mai Quang T(đã chết) và bà: Bùi Thị Đ(sinh năm 1942); đã ly hôn chồng và có hai con (con lớn 26 tuổi, con nhỏ 17 tuổi); tiền án: không; tiền sự: không; bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 01/12/2017 đến nay, hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Thanh Hóa (có mặt)

- *Bị hại:* Anh Nguyễn Anh T- sinh năm 1981
Nơi cư trú: SN 271, tổ 2, khu phố 9, phường B, thị xã Bỉm Sơn, tỉnh Thanh Hóa(có mặt)

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*
Anh Phạm Quang H- sinh năm 1982
Nơi cư trú: 119 Trính Sài, phường Bưởi, Quận T, Thành phố Hà Nội
Nơi tạm trú: Số 2, ngõ 81 đường Láng, phường Ngã Tư Sở, quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội(có mặt)

- *Người làm chứng:*

1/ Anh Lê Hữu K- sinh năm 1974

Nơi cư trú: Khu phố 7, phường B, thị xã Bỉm Sơn, Thanh Hóa(vắng mặt)

2/ Chị Lê Thu H- sinh năm 1975

Nơi cư trú: 41 Bà Huyện Thanh Quan, phường N, Thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa(vắng mặt)

3. Anh Nguyễn Huy H- sinh năm 1985

Nơi cư trú: Thành Tân, phường Q, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa (có mặt)

4. Anh Phan Trường S- sinh năm 1979

Nơi cư trú: Tổ 4, p. Kim Giang, quận T, thành phố Hà Nội(vắng mặt)

5. Ông Nguyễn Văn T- sinh năm 1956

Nơi cư trú: SN 271, tổ 2, khu phố 9, phường B, thị xã Bỉm Sơn, tỉnh Thanh Hóa(có mặt)

6. Anh Nguyễn Văn Q- sinh năm 1983

Nơi cư trú: khu phố 11, phường B, thị xã Bỉm Sơn, Thanh Hóa(vắng mặt)

7. Anh Nguyễn Ngọc V- sinh năm 1982

Nơi cư trú: 67 Nguyễn Viết Xuân, phường Ngô Quyền, thành phố V, tỉnh Vĩnh Phúc (có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng tháng 7 năm 2016, do cần tiền sử dụng vào mục đích tiêu xài cá nhân nên Mai Thị X, đã nhờ anh Phan Trường S (là bạn của X) vay hộ số tiền 150.000.000đ. Anh S gọi điện cho anh Phạm Quang H(là bạn của S và có quen biết X) để nhờ vay tiền hộ Xuân thì H đồng ý nhưng với điều kiện phải có tài sản thế chấp. Anh S thông báo lại cho X, X liền nảy sinh ý định thuê xe ô tô tự lái sau đó lấy làm tài sản thế chấp nhờ anh S vay tiền. Để thực hiện ý định, X nhờ anh Lê Hữu K giới thiệu cho chỗ thuê xe. Anh K dẫn Xuân đến gặp anh Nguyễn Anh T ở khu 9, phường Ba Đình, thị xã Bỉm Sơn, tỉnh Thanh Hóa là người có xe ô tô để cho thuê. Để tạo niềm tin với anh T, X nói dối là có công trình san lấp đường cùng với đứa em trên Cẩm Thủy, tỉnh Thanh Hóa, cần xe ô tô để đi lại phục vụ cho công trường. Lúc đầu, anh T không đồng ý, nhưng do tin tưởng anh K, hơn nữa, X nhiều lần gọi điện cũng như trực tiếp đến nhà anh T thuyết phục nên ngày 21/7/2016, khi X dẫn theo chị Lê Thu H và anh Nguyễn Huy H đến nhà anh T tiếp tục hỏi thuê xe thì anh Tuấn đồng ý. Theo hợp đồng hai bên ký kết thì anh T cho Xuân thuê xe ô tô Innova 8 chỗ BKS 36A - 191.01, thời hạn thuê là 01 tháng, bắt đầu từ 12 giờ

ngày 21/7/2016 với giá 18.000.000đ/1 tháng. X đặt cọc cho anh T số tiền 20.000.000đ và hẹn vài ngày nữa sẽ đến nhận xe.

Ngày hôm sau (tức ngày 22/7/2016), X cùng với chị H và anh H đến nhà anh T để lấy xe nhưng lúc này anh T ở Hà Nội và đang sử dụng xe Innova BKS 36A- 191.01 nên đã gọi điện cho bố là ông Nguyễn Văn T bảo ông giao chiếc xe ô tô BKS 36A - 151.49 cho X đi tạm rồi hẹn X hôm sau quay lại đổi sang xe Innova BKS 36A - 191.01 theo đúng như hợp đồng đã ký kết. X nhận xe ô tô do ông T giao rồi bảo anh H gửi lại xe taxi của anh ở nhà anh T để lái xe ô tô BKS 36A - 151.49 chở X và chị H ra Hà Nội đến chỗ hẹn với anh S trên đường Nguyễn Xiển, quận Thanh Xuân. Lúc này, anh H không có ở Hà Nội nên khi anh S gọi điện thì anh H bảo anh S ứng tiền ra và thực hiện việc giao dịch vay mượn với X, khi nào về thì anh H sẽ đưa lại tiền cho anh S. Tại đây, X một mình giao xe cho anh S và nhận số tiền 150.000.000đ do anh S đưa đồng thời viết giấy vay tiền với nội dung "vay 150.000.000đ của anh Phạm Quang H". Sau đó, X cùng chị H và anh H bắt xe khách quay về nhà anh T để lấy xe taxi. Số tiền 150.000.000đ X đã tiêu xài hết vào mục đích cá nhân.

Vài hôm sau, khi anh H về Hà Nội, anh S giao xe ô tô BKS 36A - 151.49 cùng giấy tờ vay do X viết cho anh H và nhận lại từ anh H 150.000.000đ là tiền trước đó anh S đã đưa cho X.

Sau khi từ Hà Nội về, anh T nhiều lần điện thoại yêu cầu X mang xe ô tô BKS 151.49 về đổi lấy xe ô tô Innova BKS 36A - 191.01 như trong hợp đồng. Ngày 05/8/2016, X cùng với anh H mang xe ô tô BKS 151.49 đến phố Hào Nam, phường Ô Chợ Dừa, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội gặp Nguyễn Văn Q là người được anh T nhờ mang xe ô tô BKS 36A - 191.01 ra đổi cho X. Sau khi hai bên đổi được xe, anh Q mang xe ô tô BKS 36A - 151.49 về cho anh T, còn xe ô tô Innova BKS 36A - 191.01 do chưa trả tiền nên X tiếp tục để chiếc xe này cho anh H quản lý.

Hết hạn thuê xe trong hợp đồng, anh T nhiều lần yêu cầu X mang xe về trả nhưng X tìm nhiều lý do để trốn tránh, che giấu hành vi của mình. Để tạo lòng tin cho anh T, trong thời gian thuê xe, X đã ba lần đến gặp anh T để trả số tiền thuê xe 2 tháng là 36.000.000đ. Sau đó thì X trốn tránh, không mang xe về trả anh T như đã hẹn. Đến ngày 01/11/2016, sau nhiều lần gọi điện đòi xe mà không được, lúc này anh T biết là xe ô tô của mình đã bị X chiếm đoạt nên đã làm đơn tố cáo đến cơ quan cảnh sát điều tra(CSĐT) Công an thị xã Bỉm Sơn. Đến ngày 01/12/2017, X đến cơ quan CSĐT Công an thị xã Bỉm Sơn đầu thú, khai nhận hành vi phạm tội của mình.

Ngày 22 tháng 5 năm 2017, Hội đồng định giá tài sản thị xã Bỉm Sơn đã định giá mô phỏng chiếc xe Innova BKS 36A -191.01 có giá trị là 450.000.000đ.

Tại bản cáo trạng trạng số: 19/CT-VKS-BS ngày 13/4/2018 của Viện kiểm sát nhân dân thị xã Bỉm Sơn truy tố bị cáo Mai Thị X về tội " Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" theo điểm a khoản 3 điều 139 Bộ luật hình sự(BLHS) năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009(sau đây gọi là BLHS năm 1999).

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên thực hành quyền công tố vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử(HĐXX) áp dụng điểm a khoản 3 Điều 139, điểm p khoản 1, 2 Điều 46, Điều 33 BLHS năm 1999, tuyến bố bị cáo Mai Thị X phạm tội " Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" và đề nghị xử phạt bị cáo mức án từ 10 năm đến 10 năm 06 tháng tù; Về hình phạt bổ sung: đề nghị không phạt tiền bị cáo; Về trách nhiệm dân sự: Buộc X phải trả cho người bị hại Nguyễn Anh T số tiền 150.000.000đ và cùng với người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan anh Phạm Quang H liên đới bồi thường số tiền 300.000.000đ còn lại cho anh T (cụ thể: anh H phải bồi thường 150.000.000đ, X bồi thường 150.000.000đ). Ngoài ra bị cáo X còn phải chịu trách nhiệm bồi thường số tiền mất thu nhập cho người bị hại T là 200.000.000đ; Về án phí: đề nghị HĐXX buộc bị cáo X phải nộp án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm, anh Phạm Quang H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, HĐXX nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan điều tra công an thị xã Bỉm Sơn, tỉnh Thanh Hóa, điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân thị xã Bỉm Sơn, tỉnh Thanh Hóa, kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo và người bị hại không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa, bị cáo Mai Thị X đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như nội dung bản cáo trạng đã truy tố. Lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp với biên bản đầu thú, bản tự khai và các biên bản lấy lời khai của bị cáo, người bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, người làm chứng, kết luận định giá của Hội đồng định giá tài sản thị xã Bỉm Sơn và các chứng cứ, tài liệu khác đã được thu thập có trong hồ sơ, HĐXX có đủ chứng cứ xác định trong thời gian từ ngày 21/7/2016 đến ngày 01/12/2017, bị cáo Mai Thị X đã có hành vi gian dối, đưa ra thông tin không đúng sự thật về bản thân để anh Nguyễn Anh T tin đó là sự thật nên đã tự nguyện giao tài sản cho bị cáo bằng hợp đồng cho thuê xe tự lái. Sau

đó bị cáo Xuân đã dùng chiếc xe thuê của anh T thế chấp vay tiền của anh H lấy 150.000.000đ để tiêu xài cá nhân. Hành vi nêu trên của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản", tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm a khoản 3 Điều 139 BLHS năm 1999. Viện kiểm sát nhân dân thị xã Bỉm Sơn truy tố bị cáo về tội " Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" theo điểm a khoản 3 Điều 139 BLHS năm 1999 là có căn cứ.

[3] Xét tính chất vụ án:

Vụ án có tính chất rất nghiêm trọng, trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu của người khác về tài sản. Cần thiết phải xét xử bị cáo mức án nghiêm khắc, tương xứng với tính chất và mức độ của hành vi phạm tội của bị cáo nhằm giáo dục riêng và phòng ngừa chung.

[4] Xét các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Về tình tiết tăng nặng: Bị cáo Mai Thị X không có tình tiết tăng nặng.

Về tình tiết giảm nhẹ: Bị cáo có tình tiết giảm nhẹ là "thành khẩn khai báo" và đầu thú được quy định tại điểm p khoản 1 và khoản 2 Điều 46 BLHS năm 1999.

[5] Xét về nhân thân: Mặc dù trước khi phạm tội bị cáo Mai Thị X không có tiền án, tiền sự, nhân thân tốt nhưng hành vi mà bị cáo thực hiện đối với anh Nguyễn Anh T là rất nguy hiểm cho xã hội, gây tâm lý hoang mang và bất bình trong quần chúng nhân dân trên địa bàn nơi xảy ra tội phạm.

HĐXX xét thấy cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian nhất định để cải tạo, giáo dục bị cáo thành người công dân có ích cho xã hội đồng thời răn đe những người đang có ý định phạm tội tương tự.

[6] Về hình phạt bổ sung: Xét bị cáo hoàn cảnh khó khăn, không có tài sản, không có việc làm ổn định nên không áp dụng hình phạt bổ sung theo quy định tại khoản 5 Điều 139 BLHS năm 1999 là hoàn toàn phù hợp.

[7] Về xử lý vật chứng:

Chiếc xe ô tô Innova, BKS 36A - 191.01 là tài sản thuộc quyền sở hữu của anh Nguyễn Anh T. Ngày 22/5/2017, Hội đồng định giá tài sản thị xã Bỉm Sơn định giá mô phỏng xác định chiếc xe đó có giá trị là 450.000.000đ. Hiện nay, chiếc xe này chưa thu hồi được vì theo anh Phạm Quang H khai: khoảng cuối năm 2016 (không rõ thời gian cụ thể), anh H mang chiếc xe ô tô này giao cho anh Nguyễn Ngọc V(sinh năm: 1982, trú tại: phường Ngô Quyền, thành phố Vĩnh Yên, tỉnh Vĩnh Phúc) để vay số tiền 150.000.000đ. Do chưa trả được tiền nên chiếc xe này vẫn do anh V quản lý. Còn anh Vân lại khai anh H đã trả 150.000.000đ cùng 5.000.000 đồng tiền lãi cho anh nên anh đã trả lại xe ô tô cho anh H. Việc giao nhận xe giữa hai bên không có người làm chứng. Cơ quan CSĐT Công an thị xã Bỉm Sơn đã tiến hành đối chất nhưng cả hai anh giữ nguyên lời khai của mình. Vì thế cơ quan điều tra không xác định được xe ô tô Innova BKS 36A - 191.01 hiện

nay đang ở đâu và đã đã ra thông báo truy tìm nhưng chưa có kết quả. Do vật chứng của vụ án không thu hồi được nên không có căn cứ để xử lý.

[9] Về trách nhiệm dân sự: Anh Nguyễn Anh T yêu cầu bị cáo Mai Thị X và anh Phạm Quang H trả lại xe ô tô Innova BKS 36A - 191.01 đồng thời yêu cầu bị cáo X phải khắc phục hậu quả số tiền từ việc kinh doanh thuê xe ô tô bị mất kể từ khi X chiếm đoạt (từ ngày 21/7/2016) đến ngày 19/3/2018 là 18 tháng x 18.000.000đ/1 tháng = 324.000.000đ. Sau khi trừ đi số tiền X đặt cọc và đã trả tiền thuê xe hai tháng tổng cộng là 56.000.000đ thì anh T chỉ yêu cầu Xuân phải bồi thường số tiền mất thu nhập là 200.000.000đ.

HĐXX xét thấy, về chiếc xe Innova, BKS 36A - 191.01 mà bị cáo X chiếm đoạt của anh T theo định giá mô phỏng là 450.000.000đ. Bị cáo đã dùng chiếc xe này để thế chấp vay anh Phạm Quang H 150.000.000đ để tiêu xài cá nhân nên bị cáo X phải chịu trách nhiệm bồi thường cho anh T 150.000.000đ và số tiền bị mất thu nhập từ việc kinh doanh chiếc xe này của anh T là 200.000.000đ (do yêu cầu của người bị hại là chính đáng và phù hợp nên được chấp nhận). Tổng cộng, bị cáo X phải bồi thường cho anh Tuấn là 350.000.000đ.

Còn đối với anh Phạm Quang H nhận tài sản thế chấp của bị cáo Mai Thị X, theo quy định tại Điều 198 Bộ luật dân sự (BLDS) năm 2005 thì anh H không có quyền định đoạt chiếc xe đó vì anh H không phải là chủ sở hữu chiếc xe. Nhưng thực tế anh H đã dùng chiếc xe này để thế chấp vay 150.000.000đ của anh Nguyễn Ngọc V và hiện không thu hồi được do không xác định được chiếc xe đó hiện nay đang ở đâu. Vì vậy, anh H phải có trách nhiệm bồi thường cho anh T phần giá trị còn lại của chiếc xe là 300.000.000đ.

[10] Các vấn đề khác: Anh Lê Hữu K là người giới thiệu cho Mai Thị X đến gặp anh T để thuê xe ô tô, còn chị Lê Thu H, anh Nguyễn Huy H là người cùng X đến nhà anh T vào những ngày X ký hợp đồng và nhận xe nhưng cả anh K, chị H, anh H đều không biết mục đích thuê xe của X, không tham gia giúp sức cho X trong việc lừa đảo chiếm đoạt tài sản của anh T nên Cơ quan CSĐT Công an thị xã Bỉm Sơn không xử lý đối với ba người này là phù hợp.

Đối với anh Phan Trường S, Phạm Quang H, Nguyễn Ngọc V là những người cho X vay tiền và nhận xe ô tô Innova BKS 36A - 191.01 làm tin nhưng cả ba anh đều không biết nguồn gốc chiếc xe là tài sản do X phạm tội mà có nên Cơ quan CSĐT Công an thị xã Bỉm Sơn không xử lý hình sự đối với ba anh S, H, V là phù hợp. Riêng anh V cho anh H thế chấp tài sản thuộc sở hữu của người khác mà không có giấy ủy quyền để vay tiền có tính lãi suất nên Cơ quan CSĐT Công an thị xã Bỉm Sơn đã xử phạt hành chính đối với anh V là đúng quy định của pháp luật.

[11] Về án phí: Bị cáo Mai Thị X phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và dân sự sơ thẩm, anh Phạm Quang H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với phần tiền phải bồi thường cho anh T theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm a khoản 3 Điều 139, điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46, Điều 33 BLHS năm 1999;

Tuyên bố: Bị cáo Mai Thị X phạm tội " Lừa đảo chiếm đoạt tài sản".

Xử phạt: Bị cáo Mai Thị X 10 (mười) năm tù. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giữ, tạm giam(01/12/2017).

Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 688 BLDS năm 2015, khoản 1 Điều 186, Điều 198, Điều 608 BLDS năm 2005;

- Buộc bị cáo Mai Thị X phải bồi thường cho anh Nguyễn Anh T số tiền 350.000.000đ(ba trăm năm mươi triệu đồng).

- Buộc anh Phạm Quang H phải bồi thường cho anh Nguyễn Anh T số tiền 300.000.000đ(ba trăm triệu đồng).

Anh Tuấn được nhận số tiên bồi thường từ bị cáo X là 350.000.000đ và từ anh H là 300.000.000đ, tổng cộng là 650.000.000đ(sáu trăm năm mươi triệu đồng).

Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 135 và khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 và điểm a, c khoản 1 Điều 23, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội 14 và mục 1 phần I, điểm b mục 1.3 phần II danh mục án phí ban hành kèm theo;

Buộc bị cáo Mai Thị X phải chịu án phí hình sự sơ thẩm 200.000đ (hai trăm ngàn đồng) và án phí dân sự sơ thẩm 17.500.000đ(mười bảy triệu năm trăm ngàn đồng), cả hai khoản án phí, buộc bị cáo X phải nộp 17.700.000đ(mười bảy triệu bảy trăm ngàn đồng).

Buộc anh Phạm Quang H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 15.000.000đ (mười lăm triệu đồng).

Kể từ khi án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn đề nghị thi hành án, nếu các bị cáo không thanh toán số tiền nêu trên thì hàng tháng còn phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo quy định tại Điều 357 và 468 Bộ luật dân sự.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, Điều 7, Điều 7a và Điều 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử công khai sơ thẩm có mặt bị cáo, bị hại và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan. Bị cáo, bị hại và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15(mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (29/6/2018).

Nơi nhận:
- VKSND thị xã Bỉm Sơn;
- VKSND tỉnh Thanh Hóa;
- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- Trại tạm giam công an tỉnh Thanh Hóa;
- Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Bỉm Sơn;
- Thi hành án Hình sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Ngô Xuân Sang